

Chính phủ, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh.

2. Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành một phần hoặc toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh trái Hiến pháp, luật và các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên; xem xét, quyết định đình chỉ thi hành một phần hoặc toàn bộ nghị quyết của Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh trái Hiến pháp, luật và các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, đồng thời đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội bãi bỏ.

Điều 84.- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ kiểm tra, xử lý văn bản trái pháp luật

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh về những nội dung có liên quan đến ngành, lĩnh vực do mình phụ trách.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ quản lý ngành, lĩnh vực có quyền kiến nghị với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ đã ban hành văn bản trái với văn bản về ngành, lĩnh vực do mình phụ trách bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành một phần hoặc toàn bộ văn bản đó; nếu kiến nghị đó không được chấp nhận thì trình Thủ tướng Chính phủ quyết định; kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ đình chỉ việc thi hành nghị quyết của Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh trái với văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hoặc của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ về ngành, lĩnh vực do Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ phụ trách; đình chỉ việc thi hành và đề nghị Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ quyết định, chỉ thị của Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh trái với văn bản quy phạm pháp luật về ngành, lĩnh vực do mình phụ trách; nếu Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh không nhất trí với quyết định đình chỉ thi hành, thì vẫn phải chấp hành, nhưng có quyền kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ.

Điều 85.- Viện Kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật đối với văn bản quy phạm pháp luật

Viện Kiểm sát nhân dân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm sát việc tuân theo pháp luật đối với văn bản quy phạm pháp luật của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ

trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân nhằm bảo đảm các văn bản đó không trái pháp luật.

Thủ trưởng cơ quan nhà nước nhận được kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân có trách nhiệm trả lời kháng nghị trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được kháng nghị.

Chương X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 86.- Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật do ngân sách Nhà nước cấp.

Điều 87.- Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1997.

Nghị quyết của Hội đồng Nhà nước về Quy chế Xây dựng luật và Pháp lệnh ngày 6 tháng 8 năm 1988 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa IX, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 12 tháng 11 năm 1996.

Chủ tịch Quốc hội
NÔNG ĐỨC MẠNH

CHÍNH PHỦ

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 71-CP ngày 18-11-1996 về việc thành lập các phường thuộc thành phố Buôn Ma Thuột, các xã thuộc các huyện Krông Pắc, M'Đrăk, Krông Nô và đổi tên thị trấn Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.- Nay thành lập các phường thuộc thành phố Buôn Ma Thuột, các xã thuộc các huyện Krông Pắc, M'Đrăk, Krông Nô và đổi tên thị trấn Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, như sau:

Thành phố Buôn Ma Thuột

1. Thành lập phường Tân Hòa trên cơ sở 511 ha diện tích tự nhiên và 9.363 nhân khẩu của phường Tân Lập.

Địa giới phường Tân Hòa: Đông giáp xã Ea Tu và xã Hòa Thắng; Tây giáp phường Tân Lập; Nam giáp xã Hòa Thắng; Bắc giáp xã Ea Tu.

2. Thành lập phường Tân An trên cơ sở 1.104 ha diện tích tự nhiên và 8.731 nhân khẩu của phường Tân Lập.

Địa giới phường Tân An: Đông giáp xã Ea Tu và phường Tân Lập; Tây giáp phường Tân Lợi; Nam giáp phường Tân Lập và phường Tân Lợi; Bắc giáp xã Ea Tu và huyện Cư M'gar.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, phường Tân Lập còn lại 1.020 ha diện tích tự nhiên và 13.882 nhân khẩu.

3. Thành lập phường Tân Lợi trên cơ sở 1.407 ha diện tích tự nhiên và 8.501 nhân khẩu của phường Thắng Lợi.

Địa giới phường Tân Lợi: Đông giáp phường Tân An; Tây giáp xã Cư Êbur; Nam giáp các phường Tự An, Thắng Lợi, Tân Lập; Bắc giáp huyện Cư M'gar.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, phường Thắng Lợi còn lại 92 ha diện tích tự nhiên và 8.933 nhân khẩu.

4. Thành lập phường Thành Nhất trên cơ sở 1.046 ha diện tích tự nhiên và 7.630 nhân khẩu của phường Thống Nhất.

Địa giới phường Thành Nhất: Đông giáp các phường Tân Tiến, Thống Nhất, Thành Công; Tây giáp xã Ea Nuôl (huyện Buôn Đôn); Nam giáp phường Tân Tiến và phường Khánh Xuân; Bắc giáp xã Cư Êbur.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, phường Thống Nhất còn lại 62 ha diện tích tự nhiên và 8.200 nhân khẩu.

Huyện Krông Pắc

1. Thành lập xã Ea Kly trên cơ sở 5.385 ha diện tích tự nhiên và 14.000 nhân khẩu của xã Krông Búk.

Địa giới xã Ea Kly: Đông giáp huyện Ea Kar; Tây giáp xã Ea Kuàng; Nam giáp xã Vụ Bản; Bắc giáp xã Krông Búk.

2. Thành lập xã Vụ Bản trên cơ sở 10.943,7 ha diện tích tự nhiên và 7.000 nhân khẩu của xã Krông Búk.

Địa giới xã Vụ Bản: Đông giáp huyện Ea Kar; Tây giáp xã Ea Uy và xã Ea Yiêng; Nam giáp xã Ea Yiêng và huyện Krông Bông; Bắc giáp xã Ea Kly.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, xã Krông Búk còn lại 5.600 ha diện tích tự nhiên và 8.000 nhân khẩu.

3. Đổi tên thị trấn Krông Pắc thành thị trấn Phước An.

Huyện M'Đrăk

1. Thành lập xã Ea Lai trên cơ sở 6.866 ha diện tích tự nhiên và 1.566 nhân khẩu của xã Krông Jing.

Địa giới xã Ea Lai: Đông giáp xã Ea H'Mlay; Tây giáp xã Ea Pil; Nam giáp xã Ea Kly; Bắc giáp huyện Krông Búk.

2. Thành lập xã Cư Prao trên cơ sở 12.400 ha diện tích tự nhiên và 1.971 nhân khẩu của xã Krông Jing.

Địa giới xã Cư Prao: Đông giáp xã Ea Bar (huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên); Tây giáp xã Ea Sô (huyện Ea Kar); Nam giáp xã Ea Lai; Bắc giáp xã Ea Sô (huyện Ea Kar) và xã Ea Bar (huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên).

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, xã Krông Jing còn lại 7.700 ha diện tích tự nhiên và 4.799 nhân khẩu.

Huyện Krông Nô

- Thành lập xã Buôn Choah trên cơ sở 5.250 ha diện tích tự nhiên và 2.450 nhân khẩu của xã Nam Đà.

Địa giới xã Buôn Choah: Đông giáp thị trấn Buôn Tráp (huyện Krông Ana); Tây giáp xã Nam Đà; Nam giáp xã Đăk Rô; Bắc giáp xã Ea Na (huyện Krông Ana).

- Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, xã Nam Đà còn lại 6.212 ha diện tích tự nhiên và 6.550 nhân khẩu.

Điều 2.- Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Mọi quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 3.- Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ
Thủ tướng
VÕ VĂN KIỆT

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 72-CP
ngày 18-11-1996 về việc điều
chỉnh địa giới hành chính các
huyện Quan Hóa, Như Xuân,
Đông Sơn, Thiệu Yên thuộc tỉnh
Thanh Hóa.**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.- Nay điều chỉnh địa giới các huyện Quan Hóa, Như Xuân, Đông Sơn, Thiệu Yên thuộc tỉnh Thanh Hóa như sau:

1. Thành lập huyện Quan Sơn trên cơ sở 9 xã: Trung Xuân, Trung Thượng, Trung Hạ, Sơn Hà, Tam Thanh, Sơn Thủy, Sơn Lư, Tam Lư, Sơn Điện thuộc huyện Quan Hóa.

Huyện Quan Sơn có 86.534,85 ha diện tích tự nhiên và 29.952 nhân khẩu.

Địa giới huyện Quan Sơn: Đông giáp huyện Bá Thước và huyện Lang Chánh; Tây và Nam giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; Bắc giáp huyện Quan Hóa.

2. Thành lập huyện Mường Lát trên cơ sở 6 xã: Trung Lý, Tén Tàn, Tam Chung, Pù Nhi,

Quan Chiếu, Mường Chanh thuộc huyện Quan Hóa.

Huyện Mường Lát có 84.558 ha diện tích tự nhiên và 23.959 nhân khẩu.

Địa giới hành chính huyện Mường Lát: Đông giáp huyện Quan Hóa; Tây và Nam giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; Bắc giáp tỉnh Sơn La và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, huyện Quan Hóa còn lại 18 xã, thị trấn với 104.352 ha diện tích tự nhiên và 40.905 nhân khẩu.

3. Thành lập huyện Như Thanh trên cơ sở 16 xã: Thanh Kỳ, Thanh Tân, Xuân Thái, Yên Lạc, Yên Thọ, Xuân Phúc, Phúc Đường, Xuân Thọ, Xuân Khang, Hải Long, Phú Nhuận, Mậu Lâm, Phượng Nghi, Xuân Du, Cán Khê, Hải Văn thuộc huyện Như Xuân.

Huyện Như Thanh có 58.694 ha diện tích tự nhiên và 76.045 nhân khẩu.

Địa giới hành chính huyện Như Thanh: Đông giáp huyện Triệu Sơn, Nông Cống, Tĩnh Gia; Tây giáp huyện Như Xuân, huyện Thường Xuân; Nam giáp tỉnh Nghệ An; Bắc giáp huyện Triệu Sơn.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, huyện Như Xuân còn lại 16 xã, thị trấn với 70.782 ha diện tích tự nhiên và 47.273 nhân khẩu.

4. Thành lập huyện Thiệu Hóa trên cơ sở 15 xã: Thiệu Ngọc, Thiệu Vũ, Thiệu Phúc, Thiệu Tiến, Thiệu Công, Thiệu Phú, Thiệu Hưng, Thiệu Long, Thiệu Giang, Thiệu Duy, Thiệu Nguyễn, Thiệu Hợp, Thiệu Thịnh, Thiệu Quang, Thiệu Thành với 9.408,86 ha diện tích tự nhiên và 95.988 nhân khẩu thuộc huyện Thiệu Yên; 16 xã thuộc huyện Đông Sơn: Thiệu Toán, Thiệu Chính, Thiệu Hòa, Thiệu Minh, Thiệu Tâm, Thiệu Viên, Thiệu Lý, Thiệu Vận, Thiệu Trung, Thiệu Đò, Thiệu Châu, Thiệu Văn, Thiệu Giao, Thiệu Khánh, Thiệu Dương, Thiệu Tân với 7.935,64 ha diện tích tự nhiên và 102.325 nhân khẩu.

Huyện Thiệu Hóa có 31 xã với 17.344,5 ha diện tích tự nhiên và 198.223 nhân khẩu.

Địa giới huyện Thiệu Hóa: Đông giáp huyện Hoàng Hóa và thành phố Thanh Hóa; Tây giáp huyện Thọ Xuân và huyện Triệu Sơn; Nam giáp huyện Đông Sơn; Bắc giáp huyện Yên Định.

Sau khi điều chỉnh địa giới, huyện Đông Sơn còn lại 10.676,26 ha diện tích tự nhiên và 112.534 nhân khẩu, gồm 20 xã, thị trấn.

Huyện Thiệu Yên còn lại 21.024,14 ha diện tích tự nhiên và 170.826 nhân khẩu, gồm 29 xã, thị trấn.

096.8802
Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com
LawSoft